

IX. Huyện Phú Tân:
1. Đất ở:

 Đơn vị tính : 1.000 đồng/m²

STT đoạn đường	Thuộc xã, thị trấn	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	
	Xã Tân Hưng Tây			
	Lộ tế về xã			
1	Tân Hưng Tây đến chợ Cái Bát	Từ cầu Kênh Mới (phía Đông)	Về phía chợ Cái Bát 200 mét	80
2	nt	Đoạn cầu Kênh Mới từ mét 201	Cách cầu Trạm y tế 100 mét	70
3	nt	Cầu Trạm y tế	Về phía cầu Kênh Mới 100 mét	150
4	nt	Cầu Trạm y tế	Hết nhà ông Tô Thành Khương	150
5	Trung tâm chợ Cái Bát	Cầu Cái Bát (khu vực chợ) 2 bên	Về cầu ông Xe đến hết nhà Nguyễn Văn Sứt	300
6	nt	Kênh Ông Xe (2 bên)	Trường Mẫu giáo Hướng Dương	300
7	Các tuyến khác	Trường Mẫu giáo Hướng Dương (phía bắc)	Hết đất ông Tô Bình Ken	250
8	nt	Từ đất ông Tô Bình Ken	Hết đất thầy giáo Hồng	100
9	nt	Nhà ông Sứt	Về chùa Ngọc Ân (cách 200m)	150
10	nt	Nhà Lý Thạnh	Vào cầu Trung ương Đoàn 200m	150
11	nt	Đoạn sau nhà Truyền Thống (2 bên)	Trường I, II	150
12	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu Vàm Đình	Cầu Kênh Đứng (phía Nam)	100
13	nt	Cầu Kênh Đứng	Cầu Bào Lang (phía Nam)	80
14	nt	Cầu Vàm Đình	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây B	100
	Xã Rạch Chèo			
15	Trung tâm chợ Rạch Chèo	Đầu Kênh Năm	Hết kênh Rạch Chèo Ngọn	150
16	nt	Kênh Rạch Chèo Ngọn	Trụ sở xã Rạch Chèo (2 bên)	250
17	nt	Trụ sở xã Rạch Chèo	Dưới sông (Bảy Háp) theo chỉ giới quy hoạch	250
18	nt	Trụ sở xã Rạch Chèo	Kênh 90 đoạn 250m (2 bên)	200
19	nt	Mét thứ 251	Kênh 90	150
20	nt	Vàm Rạch Chèo Ngọn	Trường Tiểu học Rạch Chèo	150
21	Tuyến kênh 90	Đầu Kênh 90	Đê Biển Tây (phía Đông)	80

22	nt	Ngã ba Đường Ven (phía Đông)	Cầu kênh 90 (cầu lộ huyện)	80
23	Tuyến lộ huyện Vàm Đình - CĐV	Cầu Kênh 90	Cống Lung Heo	80
24	nt	Cống Lung Heo	Cầu Bào Láng	90
25	Kênh Năm về xã Tân Hưng Tây	Cầu Kênh Năm	Cầu Cống Mới (dự kiến)	40
26	nt	Cầu Cống Mới (dự kiến)	Bùng binh Cái Bát	50
	Xã Nguyễn Việt Khái			
27	Khu trung tâm xã	UBND xã (Gò Công Đông)	Rạch Lạc Nhỏ phía trên bờ	80
28	nt	UBND xã (Gò Công)	Giáp Lâm ngư trường Sào Lưới (phía Tây)	70
29	Tuyến lộ huyện	Cầu kênh Kiểm Lâm (phía Nam)	Kênh Năm Nhung	300
30	nt	Kênh Năm Nhung	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	300
31	nt	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh	Cầu Kênh 90	100
32	Rạch Cái Đôi Nhỏ	Cầu Cái Đôi Nhỏ (phía Đông)	Kênh Tạm cấp	70
33	nt	Cầu Cái Đôi Nhỏ (Phía Tây)	Kênh Tạm cấp	80
34	Các tuyến lộ khác	Rạch Lạc	Rạch Dơi (2 bên)	70
35	nt	Rạch Dơi	Cái Đôi Nhỏ	80
36	nt	Cái Đôi Nhỏ	Cầu Kiểm Lâm	150
37	nt	Gò Công Đông kéo dài 500 mét	Kênh Phòng hộ (Phía Tây)	70
38	Tuyến kênh Năm Nhung	Lộ huyện từ mét thứ 31(2 bên)	Kênh Cái Đôi Nhỏ	70
39	nt	Kênh Cái Đôi Nhỏ (cuối kênh Năm Nhung)	Kênh Cờ Trắng (2 bên)	80
40	Khu hành chính huyện mới	Khu hành chính thuộc ấp Cái Đôi Nhỏ		100
	Xã Việt Thắng			
41	UBND xã đến cầu Cỏ Đà	UBND xã Việt Thắng về cầu Bào Chấu	Hết ranh đất ông Ba Be (2 bên)	200
42	nt	Giáp ranh đất ông Ba Be	Cầu Bào Chấu (2 bên)	120
43	nt	Cầu Bào Chấu (phía Đông)	Cầu Cái Đà (2 bên)	80
44	UBND xã đến đập Kiểm Lâm	Cầu trường học về đập Kiểm Lâm	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tài (2 bên)	120
45	nt	Giáp ranh đất ông Nguyễn Văn Tài	Cầu Dân Quân (2 bên)	80
46	nt	Cầu Dân Quân	Hết đập ông Chiến	80
47	nt	Đập ông Chiến	Đập Kiểm Lâm	70
	Xã Tân Hải			
48	Tuyến Bào Láng	Từ đầu kênh Bào Láng (phía Đông)	Về lộ huyện đến 300 mét	100

49	nt	Từ mét thứ 301 (phía Đông)	Lộ huyện Vàm Đình - Cái Đồi Vàm	80
50	nt	Từ cầu Bào Láng (phía Tây)	Về lộ huyện đến 300 mét	100
51	nt	Từ mét thứ 301 (phía Tây)	Lộ huyện (Vàm Đình - Cái Đồi Vàm)	80
52	Tuyến lộ huyện	Kênh Mới	Cống Lung Heo (phía Bắc)	80
53	nt	Cống Lung Heo	Kênh 90 (phía Bắc)	100
54	nt	Đầu cầu lộ huyện	Cầu Cây Thẻ	70
55	UBND xã đến Đầu Sáu	Từ trung tâm UBND xã	Đầu kênh Đầu Sáu	100
56	nt	Từ mét thứ 201	Đầu Sáu (2 bên)	80
57	UBND xã đến kênh 90	Từ trung tâm UBND xã	Về kênh 90	100
58	Đối diện UBND xã (phía Tây)	Ngang vàm Bến Đìa	Về Cái Đồi Vàm 500m	80
59	Bến Đìa	Vàm Bến Đìa	Trường cấp II (2 bên)	80
60	Xóm Trung	Ngang vàm Bến Đìa	Tân Điền	80
		Xã Phú Tân		
61	Đường số 1	Tim nhà lồng chợ cũ (về phía Đông)	Hàng rào trường học cấp III (nhà ông 10 Bồn)	1.500
62	nt	Tim nhà lồng chợ cũ (về phía Tây)	Hết nhà ông Dũng - Thúy	1.500
63	nt	Nhà ông Tráng (tuyến sông) kéo dài về	Nhà ông Hên đến nhà bà Ba Sy (2 bên)	1.000
64	nt	Nhà ông Sơn vòng qua bến tàu	Trụ sở ấp Cái Đồi xuống ngã ba nhà ông Tráng	1.200
65	nt	Giáp nhà ông Dũng - Thúy	Hết nhà ông Sỹ Tuấn (2 bên)	1.000
66	nt	Giáp Trụ sở ấp Cái Đồi (2 bên)	Hàng rào trường học cấp III (nhà ông 10 Bồn)	1.000
67	nt	Giáp nhà ông Sỹ Tuấn (2 bên)	Ngã ba kênh xáng Miếu Ông Cò (nhà ông Sơn)	500
68	Đường số 2	Ngã ba (nhà ông Khổng Kìa)	Nhà bà Nga (2 bên)	400
69	nt	Nhà ông Minh Gù (2 bên)	Nhà ông Tú (ngã ba Miếu Ông Cò)	800
70	nt	Giáp nhà bà Nga	Nhà mồ ngang Trường cấp III (mới)	200
71	Đường số 3	Đầu cầu nhà ông Đức	Đầu cầu nhà ông Hòa (2 bên)	1.200
72	nt	Đầu cầu (Hãng nước đá ông Hil)	Đầu kênh Tân Điền nhà Quách Hôn (2 bên)	800
73	nt	Đầu cầu (cuối nhà ông Hòa)	Cuối nhà ông Võ Văn Go (2 bên)	300
74	nt	Cuối nhà ông Võ Văn Go	Đầu Kênh Đứng	200
75	Đường số 4	Đầu cầu nhà ông 5 Thiện (phía trên bờ)	Ngã ba cầu UBND xã	400
76	nt	Ngã ba cầu UBND xã	Nhà ông Sáu Báo (2 bên)	400
77	nt	Đầu cầu UBND xã	Ngã ba kênh xáng	400
78	nt	Ngã ba kênh xáng (2 bên)	Đường vào kênh xáng (giáp nhà ông Sáu Báo)	150

79	nt	Cuối nhà ông Sáu Báo	Cuối nhà ông Ưt Xã	200
80	Các tuyến lộ khác	Đầu cầu nhà ông Đol (bờ Nam)	Đầu kênh Đầu Sáu	100
81	nt	Đầu cầu (nhà ông Toàn) bờ Bắc	Đầu kênh xáng (Miếu Ông Cò)	100
82	nt	Đầu kênh xáng (nhà ông Tuấn)	Hết phần đất ông Sáu Sinh	250
83	nt	Đầu cầu (nhà ông Trãi)	Cuối quán Ba Hùng (2 bên)	150
84	nt	Đầu cầu (nhà ông Ba Lan)	Cập quán Ba Hùng (2 bên)	150
85	nt	Giáp nhà ông Ba Lan về cống đá (bờ Nam)	Hết phần đất ông Tám Xịch	70
	Xã Phú Thuận			
86	Khu trung tâm xã	Nhà ông Giang	Nhà Mỹ Nhung (2 bên)	300
87	nt	Nhà ông Khá (Phước)	Trạm y tế (2 bên)	400
88	nt	Trạm y tế	Hãng nước đá	250
89	nt	Giáp hãng nước đá	Nhà ông Phương	150
90	nt	Nhà ông Đèo	Ngã ba về Cái Nước (2 bên)	300
91	nt	Ngã ba về Cái Nước (tuyến lộ xe)	Cầu Vàm Đình (2 bên)	300
92	nt	Nhà ông Quấn	Ngã ba sông về Cái Nước (2 bên)	300
93	Tuyến đường Vàm Đình - Cái Chim	Ngã ba về quốc lộ 1A	Hết đất ông Chìl	150
94	nt	Giáp đất ông Chìl	Đập Cái Chim	80
95	Phía xã cũ	Đình thần Vàm Đình	Hết tiệm sửa máy ông Phúc Lâm	200
96	Khu vực chợ Giáp Nước	Tượng đài liệt sỹ	Đập Giáp Nước	70
97	nt	Tượng đài liệt sỹ	Trạm y tế (cũ)	70
98	nt	Nhà ông No (tiệm)	Nhà ông Chệt Cao	70
99	nt	Nhà bà Tám bán cơm (cây xăng Hoàng Thắng)	Đầm Thị Tường, nhà ông Tám Trung (2 bên)	70
100	nt	Đập Giáp Nước	Nhà bà Tám bán cơm (cây xăng Hoàng Thắng)	70
101	nt	Nhà Tám Trung	Vàm Giáp Nước	80
102	nt	Vàm Giáp Nước	Nhà ông Nguyễn Văn Thanh	80
	Xã Phú Mỹ			
103	Khu vực Ba Tiệm	Hết đất ông Thanh (Trường Phú Hoà)	Trường Phú Mỹ II (hết đất bà Tư Hồn)	100
104	Khu vực Vàm Xáng	Cây Cồng	Hết đất ông Lực	100
105	Kênh xáng Thọ Mai	Kênh xáng Thọ Mai	Hết đất Tám Nguyệt Lệ	100
106	Khu tạm quy hoạch xã	Khu quy hoạch chợ xã (ấp Thọ Mai)		100

107	Khu căn cứ Tỉnh uỷ	Ranh đất khu căn cứ Tỉnh uỷ	Hết ranh đất ông 3 Bốc	80
108	nt	Giáp ranh đất ông 3 Bốc	Về vàm váng kênh Thọ Mai	80
109	nt	Ranh đất Khu căn cứ Tỉnh uỷ	Hết ranh đất ông Giang	80
110	nt	Giáp ranh đất ông Giang	Ngã ba ra Đầm Thị Tường hết đất ông Thắng	80
	Thị trấn Cái Đôi Vàm			
	Khu I: Từ cầu Kiểm Lâm - cầu Làng Cá (bờ Nam)			
111	Tuyến lộ Cái Đôi Vàm	Đầu cầu (cũ) kênh Kiểm Lâm	Hết Trường Tiểu học CĐV I	800
112	nt	Giáp Trường Tiểu học CĐV I	Hết đất ông Nguyễn Văn Tấn	800
113	nt	Giáp đất ông Nguyễn Văn Tấn	Hết đất ông võ Thanh Dũng	900
114	nt	Giáp đất ông võ Thanh Dũng	Hết đất ông Nguyễn Thành Trung	1.000
115	nt	Giáp đất ông Nguyễn Thành Trung	Hết đất ông Nguyễn Văn Hờ	1.500
116	nt	Giáp đất ông Nguyễn Văn Hờ	Hết đất ông Lê Hồng Phúc (Nam)	1.000
117	nt	Giáp đất ông Lê Hồng Phúc (Nam)	Hết Nhà bia giáp lộ huyện	900
118	nt	Giáp lộ huyện (nhà ông Chiến)	Cầu kênh Làng Cá	800
119	Hẻm	Hẻm nhà lồng chợ - hết nhà Luân Giúp	Hết nhà Hứa Thị Kim Yến	500
120	nt	Lộ hẻm khóm V	Cầu Đê Tây	100
	Khu II: Từ cầu Làng Cá - Đê Phòng hộ (bờ Nam)			
121	Tuyến sông Cái Đôi Vàm	Cầu kênh Làng Cá	Hết đất ông Phan văn Thiệt	600
122	nt	Giáp đất ông Phan Văn Thiệt	Hết đất Đồn Biên phòng 688	400
123	nt	Giáp đất Đồn Biên phòng 688	Cầu Đồn Biên phòng 688 (2 bên)	300
124	nt	Cầu Đồn Biên phòng 688	Đê Phòng Hộ	200
125	nt	Hẻm nhà ông Đô Lil	Kênh Cơi 5 (phía Đông)	100
126	(Bờ Bắc)	Khu tiểu thủ công nghiệp	Đầu kênh Bấy Sử	100
127	Khu III: kênh 7 Sử - kênh Lô 2	Đầu kênh Bấy Sử	Đầu kênh Lô 2	200
128	Khu IV: kênh Lô 2 - kênh Lô 1	Đầu kênh Lô 2	Đầu kênh Lô 1	250
129	Khu V: kênh Lô 1 - đất ông Thiện	Đầu kênh Lô 1	Hết đất ông Huỳnh Phước Thiện	100

130	Tuyến lộ huyện Cái Đôi Vàm	Nhà ông Chiến	Hết Nhà Văn hóa khóm II (2 bên)	500
131	nt	Giáp Nhà Văn hóa khóm II (bên phải)	Đầu cầu Kiểm Lâm (mới) bên phải	200
132	nt	Giáp Nhà Văn hoá khóm II (bên trái)	Đầu cầu Kiểm Lâm (mới) bên trái	300
133	nt	Đầu cầu Kiểm Lâm (mới) bên trái	Kênh Năm Nhung (bên trái)	300
134	nt	Kênh Năm Nhung (bên trái)	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh (bên trái)	300
135	nt	Đầu lộ chùa Nguyệt Cảnh (bên trái)	Đầu cầu kênh 90 (bên trái)	100
136	Khu hành chính (mới)	Đầu cầu Kiểm Lâm (cũ) phía Đông	Đầu cầu Kiểm Lâm (mới)	300
137	nt	Cầu Kiểm Lâm (cũ) sông Cái Đôi Vàm	Hết đất ông Phan Văn Thương	150
138	Khu I	Đầu cầu Kiểm Lâm (cũ) phía Tây	Đầu cầu Kiểm Lâm (mới)	250
139	Tuyến kênh Kiểm Lâm	Cầu Kiểm Lâm mới (phía Tây)	Kênh Cái Đôi Nhỏ	100
140	Kênh Lô 1	Đầu kênh Lô 1	Về kênh Công Nghiệp 289 mét (2 bên)	100
141	Kênh Lô 2	Đầu kênh Lô 2	Về kênh Công Nghiệp 297 mét (2 bên)	100
142	Kênh Làng cá	Cầu Làng Cá	Về Cái Đôi Nhỏ 380 mét (2 bên)	100
143	Kênh Biên phòng	Cầu Đồn Biên Phòng	Về hướng Cái Đôi Nhỏ 139 mét (2 bên)	80
144	Đường lộ Công an - Lò heo	Từ hẻm Đông y (lộ Công an)	Trường THPT Phú Tân phía sau (bên trái)	250
145	nt	Hẻm Đông y (lộ Công an)	Trường THPT Phú Tân phía sau (bên phải)	150
146	nt	Trường THPT Phú Tân phía sau (2 bên)	Cách lộ cầu Kiểm lâm cũ - cầu Kiểm lâm mới 30m	150
147	nt	Hẻm Đông y (lộ Công an)	Giáp lộ huyện Cái Đôi Vàm-Cái Nước (2 bên)	150
148	Khu Cty XNK CĐVàm	Tiệm chụp hình Dũng	Trụ sở khóm II	200
149	nt	Cầu dự án	Nối lộ huyện (2 bên)	150
150	nt	Cầu dự án (phía Đông)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	80
151	nt	Tuyến sau Công ty XK	Kênh Làng cá	150
152	Khu hành chính huyện mới	Khu hành chính thuộc ấp Cái Đôi Vàm		100
	Đất ở nông thôn cho các tuyến còn lại chưa có hạ tầng	- Thuận tiện về mặt giao thông thủy, bộ - Không thuận lợi giao thông thủy, bộ		70 50

2. Đất nông nghiệp:

a) Trong vùng quy hoạch trung tâm huyện đến năm 2010:

- Đất trồng cây hàng năm : 24.000 đồng/m².
- Đất trồng cây lâu năm : 30.000 đồng/m².
- Đất nuôi trồng thủy sản:

+ Chuyên tôm	: 30.000 đồng/m ² .
+ Lúa – tôm	: 24.000 đồng/m ² .
+ Rừng – tôm	: 22.000 đồng/m ² .

b) Ngoài vùng quy hoạch trung tâm huyện và các xã:

- Đất trồng cây hàng năm	: 12.000 đồng/m ² .
- Đất trồng cây lâu năm	: 15.000 đồng/m ² .
- Đất nuôi trồng thủy sản:	
+ Chuyên tôm	: 15.000 đồng/m ² .
+ Lúa - tôm	: 12.000 đồng/m ² .
+ Rừng - tôm	: 11.000 đồng/m ² .